

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 13/2025/DS-ST

Ngày: 30/7/2025

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản,
mua bán tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mung Niê;

2. Ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Bạch Mai Anh Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01A/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Bá K; Địa chỉ: Số 425 Hùng Vương, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Bá L; Địa chỉ: 01 Buôn Ea D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nay là xã C, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Y L Niê; Địa chỉ: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nay là xã C, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

2. Bà H H Mlô; Địa chỉ: Buôn Xóm A, xã Cư Pong, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Nay là xã Cư Pong, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- **Người phiên dịch tiếng Êđê cho bà H H Mlô:** Ông Y M Niê; Địa chỉ: Buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nay là xã C, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Lê Bá K, ông Lê Bá L trình bày:* Do quen biết nên vợ chồng ông Y L Niê, bà H H Mlô có nợ tiền mua dầu, phân bón và tiền mặt của ông K. Cụ thể:

Ngày 02/01/2018 nợ: Dầu số lượng 234 lít, thành tiền 234 lít x 16.240 đồng = 3.800.000 đồng; Số tiền 70.000.000 đồng tiền mặt; 90 bao phân bón NPK, thành tiền 90 bao x 450.000/bao = 40.500.000 đồng.

Ngày 15/4/2018 nợ: 204 lít dầu, thành tiền 3.400.000 đồng; 02 thùng thuốc cỏ, thành tiền 02 x 1.600.000 đồng/thùng = 3.200.000 đồng; Ngày 06/6/2018 nợ: 03 thùng thuốc cỏ, thành tiền 3 thùng x 1.700.000 đồng = 5.100.000 đồng.

Trước đây cũng có ông Y L Niê đi vay và lấy phân, dầu tưới nhưng sau quá trình tính toán lại thì chỉ có H H Mlô ra ký xác nhận nợ. Các giấy tờ trước ông K đã không còn lưu giữ, do đã xác nhận lại công nợ.

Cho đến nay mặc dù tôi nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng ông Y L Niê, bà H H Mlô không trả cho ông K.

Vì vậy ông K khởi kiện yêu cầu ông Y L Niê, bà H H Mlô phải trả cho ông K số tiền mặt 70.000.000 đồng và tiền lãi 70.000.000 đồng x 1.5%/tháng x 74 tháng = 77.700.000 đồng (tính từ ngày 02/01/2018 đến ngày 02/03/2024). Số tiền nợ phân bón, thuốc cỏ, dầu tổng là 56.000.000 đồng và tiền lãi là 56.000.000 đồng x 69 tháng x 1.5%/tháng = 57.960.000 đồng (tính từ ngày 06/6/2018 đến ngày 06/3/2024). Số tiền phân bón, thuốc cỏ, dầu tưới với là 56.000.000 đồng và tiền lãi là 56.000.000 đồng x 69 tháng x 1,5%/tháng = 57.960.000 đồng (tính từ ngày 06/6/2018 đến ngày 06/3/2024). Như vậy tổng số tiền ông Y L Niê, bà H H Mlô phải trả cho ông K là 261.660.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông K đề nghị bị đơn ông Y L Niê, bà H H Mlô phải trả số tiền nợ gốc 126.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà H H Mlô trình bày:* Năm 2018 tôi có nợ của ông Lê Bá K tiền mua phân bón, thuốc cỏ và dầu, tiền mặt; các lần nợ như ông K đã trình bày là đúng, cụ thể:

Ngày 02/01/2018 nợ: Dầu số lượng 234 lít, thành tiền 234 lít x 16.240 đồng = 3.800.000 đồng; Số tiền 70.000.000 đồng tiền mặt; 90 bao phân bón NPK, thành tiền 90 bao x 450.000/bao = 40.500.000 đồng.

Ngày 15/4/2018 nợ: 204 lít dầu, thành tiền 3.400.000 đồng; 02 thùng thuốc cỏ, thành tiền 02 x 1.600.000 đồng/thùng = 3.200.000 đồng; Ngày 06/6/2018 nợ: 03 thùng thuốc cỏ, thành tiền 3 thùng x 1.700.000 đồng = 5.100.000 đồng.

Khi đi vay tiền và lấy phân, dầu tưới thì chỉ một mình tôi, ông Y L Niê không biết.

Do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, nợ nần nên chúng tôi không có tiền trả nợ cho ông K. Vì vậy, nay ông K khởi kiện thì tôi đồng ý trả cho ông K số tiền nợ phân bón, nợ thuốc cỏ, dầu, tiền mặt; còn nợ lãi thì tôi xin không phải trả.

- Đối với bị đơn ông Y L Niê đã được tr tập nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Đắc Lắc phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn bà H H Mlô kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Y L Niê đã được tr tập nhưng vắng mặt không có lý do; vì vậy căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Y L Niê.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 26, Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 430, 434, 440, 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Bá K, buộc bà H H Mlô phải có nghĩa vụ phải trả cho ông K số tiền 126.000.000 đồng tiền mua phân bón, dầu tưới và tiền mặt đã vay theo giấy nhận nợ, đồng thời bà H H còn phải trả cho ông K số tiền lãi chậm trả phát sinh trên tổng số tiền nợ gốc 126.000.000 đồng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS. Không chấp nhận yêu cầu buộc ông Y L phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ trên cho ông K. Về án phí: Buộc bà H H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài l có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật hợp đồng vay tài sản, mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đắc Lắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Y L Niê đã được Toà án tr tập nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Y L Niê theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông K về việc yêu cầu ông Y L Niê, bà H H Mlô phải trả cho ông K tổng số tiền nợ gốc 126.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Do có mối quan hệ quen biết nên giữa ông Lê Bá K và bà H H Mlô đã xác lập giao dịch mua bán phân bón, xăng dầu và vay tiền mặt với nhau, cụ thể:

- Ngày 02/01/2018 nợ 234 lít dầu, thành tiền 234 lít x 16.240 đồng = 3.800.000 đồng; vay số tiền 70.000.000 đồng tiền mặt; 90 bao phân bón NPK, thành tiền 90 bao x 450.000/bao = 40.500.000 đồng. Hẹn đến 30/11/2018 sẽ trả gốc và lãi.

- Ngày 15/4/2018 nợ 204 lít dầu, thành tiền 3.400.000 đồng; 02 thùng thuốc cỏ, thành tiền 02 x 1.600.000 đồng/thùng = 3.200.000 đồng. Không ghi thời hạn trả nợ.

- Ngày 06/6/2018 nợ 03 thùng thuốc cỏ, thành tiền 3 thùng x 1.700.000 đồng = 5.100.000 đồng. Không ghi thời hạn trả nợ.

Tổng cộng số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 126.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy nợ, có chữ ký và dấu vân tay của bà H H. Bị đơn bà H H cũng thừa nhận số tiền nợ như ông K trình bày. Tuy nhiên, đối với bị đơn ông Y L Niê, quá trình giải quyết vụ án ông Y L Niê không hợp tác làm việc nên không thu thập được lời khai. Tại giấy xác nhận nợ giữa ông K và bà H H không có chữ ký của ông Y L Niê. Ngoài giấy xác nhận nợ thì ông K cũng không cung cấp được tài l gì thể hiện ông Y L Niê liên quan đến khoản nợ trên. Do đó, không có cơ sở xác định ông Y L có biết việc bà H H vay tiền và mua dầu, phân bón từ ông K hay không; nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu buộc ông Y L phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng bà H H.

Đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà H H vẫn không trả nợ được cho ông K. Vì vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông K về việc yêu cầu bà H H phải trả số nợ gốc 126.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 288, Điều 430, Điều 440, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Giấy nợ giữa hai bên có thể hiện lãi suất và thời hạn đối với số nợ ngày 02/01/2018. Còn đối với khoản nợ ngày 15/4/2018 và ngày 06/6/2018 thì không thể hiện thời hạn. Tuy nhiên, mức lãi hai bên chưa được xác

định cụ thể. Quá trình giải quyết và tại phiên toà bà H H đề nghị không phải trả lãi cho ông K vì thời hạn đã lâu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ vay tài sản và mua bán tài sản giữa hai bên thuộc trường hợp vay nợ có thời hạn và có tranh chấp về lãi suất nên việc tính lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 trên số tiền chậm trả kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử ngày 30/7/2025 phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, lãi được tính cụ thể như sau:

- $3.800.000 \text{ đồng} + 70.000.000 \text{ đồng} + 40.500.000 \text{ đồng} = 114.300.000 \text{ đồng}$
 $\times 10\%/năm \times 07 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 28 \text{ ngày}$ (tính từ ngày 02/01/2018 đến 30/7/2025) = 86.614.000 đồng (làm tròn);

- $3.400.000 \text{ đồng} + 3.200.000 \text{ đồng} = 6.600.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 07 \text{ năm } 03 \text{ tháng } 15 \text{ ngày}$ (tính từ ngày 15/4/2018 đến 30/7/2025) = 4.813.000 đồng (làm tròn);

- $5.100.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 07 \text{ năm } 01 \text{ tháng } 14 \text{ ngày}$ (tính từ ngày 06/6/2018 đến 30/7/2025) = 3.632.000 đồng (làm tròn);

Tổng số nợ lãi là: $86.614.000 \text{ đồng} + 4.813.000 \text{ đồng} + 3.632.000 \text{ đồng} = 95.059.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi cần buộc bà H H phải trả cho ông K tính đến ngày xét xử 30/7/2025 là: $126.000.000 \text{ đồng} + 95.059.000 \text{ đồng} = 221.059.000 \text{ đồng}$.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[4] Tiếp tục duy trì Biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2024/QĐ-BPKCTT ngày 25/4/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk để đảm bảo cho việc thi hành án đối với nghĩa vụ trả nợ.

[5] **Về án phí:** Bị đơn bà H H Mlô phải chịu số tiền ($221.059.000 \text{ đồng} \times 5\%$) 11.053.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; ông K là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí là phù hợp với quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 288, khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.
- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Bá K.

- Buộc bị đơn bà H H Mlô phải trả cho nguyên đơn ông Lê Bá K tổng số tiền 221.059.000 đồng; Trong đó: Nợ gốc 126.000.000 đồng, nợ lãi 95.059.000 đồng (lãi suất 10%/năm, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/7/2025).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Bá K về việc buộc ông Y L Niê phải có nghĩa vụ cùng với bà H H Mlô trả nợ cho ông Lê Bá K.

2. Tiếp tục duy trì Biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2024/QĐ-BPKCTT ngày 25/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đăk Lăk để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về án phí:

Bị đơn bà H H Mlô phải chịu số tiền 11.053.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn bà H H Mlô có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Y L Niê vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời gian thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 8 - Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 8 - Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Thái Văn Hải